

## TÁC ĐỘNG KINH TẾ CỦA VIỆC GIẢM THUẾ NHẬP KHẨU THỊT LỢN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHĂN NUÔI TẠI HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

### Economic Impact of Pork Import Tax Reduction on Pig Raisers in Van Giang District, Hung Yen Province

Nguyễn Thị Dương Nga<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Trà<sup>2</sup>, Lê Ngọc Hương<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

<sup>2</sup>Sinh viên lớp KT50, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Địa chỉ email tác giả liên lạc: [ngantd@hua.edu.vn](mailto:ngantd@hua.edu.vn)

Ngày gửi đăng: 09.12.2010; Ngày chấp nhận: 18.12.2010

#### TÓM TẮT

Việc giảm thuế nhập khẩu thịt trước lịch trình cam kết với WTO của Việt Nam vào năm 2008 cùng với sự gia tăng nhanh chóng của giá cả và dịch bệnh đã đưa người chăn nuôi vào hoàn cảnh khó khăn. Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá tác động kinh tế của các thay đổi bất lợi này tới người chăn nuôi và đưa ra một số khuyến nghị về mặt chính sách. Số liệu điều tra 45 hộ chăn nuôi và 15 trang trại năm 2009 tại huyện Văn Giang, Hưng Yên cùng với thống kê mô tả, so sánh với t - test cho thấy, người chăn nuôi đã có những ứng xử khá khác biệt trong điều chỉnh quy mô, tuy nhiên có xu hướng thay đổi kỹ thuật cho ăn và giống nhằm tiết kiệm chi phí. Phân tích cho thấy thu nhập từ chăn nuôi lợn đã giảm từ 45% - 75% theo giá trị danh nghĩa và từ 55% - 80% theo giá trị điều chỉnh lạm phát, trong khi thu nhập từ chăn nuôi lợn chiếm hơn 90% tổng thu nhập của hộ. Việc giảm thuế nhập khẩu, bên cạnh tác động tiêu cực tới người chăn nuôi, còn là cảnh báo cho ngành nông nghiệp. Các khuyến nghị và gợi ý về mặt chính sách được đưa ra nhằm giúp người chăn nuôi Việt Nam “chuẩn bị” tốt hơn cho một cuộc cạnh tranh gay gắt từ năm 2012.

Từ khóa: Người chăn nuôi lợn, tác động kinh tế, Văn Giang.

#### SUMMARY

Reduction of import tax on meat (including pork) earlier than the schedule committed to WTO in 2008, with high inflation and diseases in Vietnam had put pig raisers in difficult situation. The study aimed at assessing economic impact of these changes on pig raisers and propose some recommendations and policy implications. Data was collected from interviews with 45 pig smallholders and 15 pig farms in Van Giang District, Hung Yen in 2009. Descriptive and comparative statistics with t-test was employed. The results show that pig raisers had different responses to the adverse change in term of rescaling of production. However pig raisers had changed farming practices and use of breeds to reduce cost. On average, income from pig production (accounting for about 90% total farm household income) was reduced by from 45% - 75% and 55% - 80% in 2008 as compared to 2007, by nominal and real terms, respectively. The tax reduction, in one hand had negative impact on pig raiser; in other hand put an alarm on Vietnam's agriculture sector. Recommendation and policy implications were drawn, for a “better prepared” Vietnamese pig raisers before a stiff competition in the coming time, especially after 2012.

Key words: Economic impact, pig raiser, Van Giang.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự kiện Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã được thảo luận rất nhiều trên các diễn đàn, trong đó nông nghiệp vẫn là tâm điểm của sự quan tâm. Khu vực chăn nuôi tạo ra gần 1/3 trong tổng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp

đường như chịu nhiều biến động hơn so với các khu vực sản xuất nông nghiệp khác do sức cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi trong nước hạn chế và đặc biệt là trợ cấp của các nước xuất khẩu vào Việt Nam. Một trong những cam kết của Việt Nam với WTO là giảm thuế nhập khẩu thịt, trong đó đến năm

2012, thuế nhập khẩu thịt lợn tươi hoặc ướp lạnh phải giảm còn 25%. Tuy nhiên, mức thuế này trên thực tế đã giảm xuống còn 20% vào năm 2008.

Huyện Văn Giang (tỉnh Hưng Yên) nằm trong khu vực đồng bằng sông Hồng, có ngành chăn nuôi lợn khá phát triển và là một trong những nguồn thu nhập chính của nông dân. Người chăn nuôi cũng không nằm ngoài tác động của việc cắt giảm thuế nhập khẩu này. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và tính thời sự của vấn đề, nghiên cứu này được thực hiện với hai mục tiêu chính: (i) Đánh giá tác động của chính sách cắt giảm thuế nhập khẩu thịt lợn đối với người chăn nuôi tại huyện Văn Giang, (ii) Đề xuất một số gợi ý về mặt chính sách nhằm giúp người chăn nuôi nâng cao được sức cạnh tranh sản phẩm thịt lợn trong thời kỳ hội nhập.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thị trấn Văn Giang được chọn là điểm nghiên cứu vì đây là một trong những khu vực có quy mô chăn nuôi với số đầu lợn lớn nhất huyện (năm 2008 đóng góp 38% tổng giá trị sản xuất của thị trấn) và là nơi chăn nuôi lợn thịt phát triển khá sớm so với một số xã khác trong huyện.

Số liệu thứ cấp được thu thập tại Tổng cục Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn và phòng Thống kê thị trấn Văn Giang. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua sử dụng bảng câu hỏi cấu trúc phỏng vấn 60 người chăn nuôi tại thị trấn Văn Giang, bao gồm 45 hộ chăn nuôi (chia ra hai quy mô: quy mô vừa từ 30-100 con/hộ/năm; quy mô lớn trên 100 con/năm) và 15 trang trại. Ngoài ra, thảo luận nhóm cũng được tiến hành với hộ chăn nuôi và cán bộ hợp tác xã nông nghiệp.

Số liệu được xử lý thông qua phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh các số bình quân, sử dụng t-test để kiểm định sự khác biệt cho giá trị trung bình. Hạch toán chi phí và kết quả sản xuất cũng được sử dụng trong cả hộ và trang trại chăn nuôi, với thu nhập cuối cùng bao gồm cả công lao động gia đình. Đánh giá tác động trước và sau được thực hiện với năm 2007 và năm 2008, việc so sánh thu nhập từ chăn nuôi lợn năm 2008 so với 2007 được điều chỉnh với tốc độ lạm phát của năm 2008 là 23% (GSO, 2008).

Trong khung phân tích tác động có cả yếu tố lạm phát, vì đây là một trong những biến số vĩ mô chịu ảnh hưởng của quá trình hội nhập và có ảnh hưởng tới người chăn nuôi (Hình 1). Do một số hạn chế, nghiên cứu không đi sâu vào các yếu tố như dịch bệnh, cơ sở hạ tầng, v.v... ảnh hưởng tới thị trường và hành vi của người chăn nuôi.



Hình 1. Khung phân tích tác động của một số thay đổi vĩ mô tới thu nhập của người chăn nuôi

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

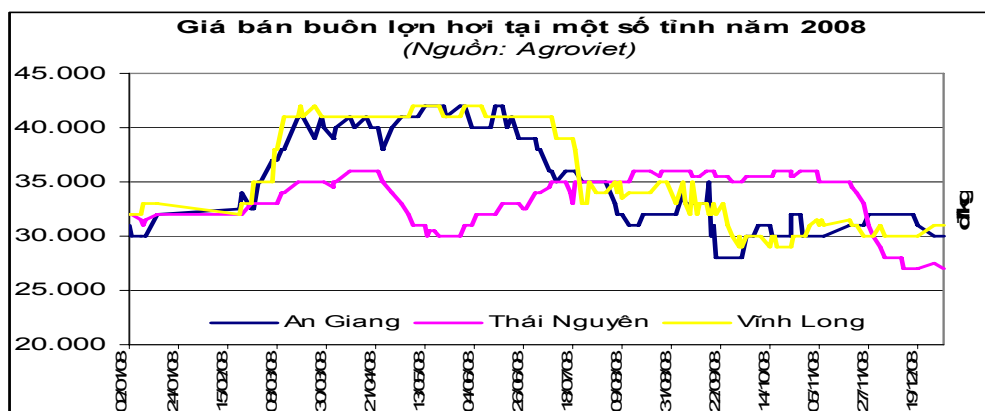
#### 3.1. Biến động trong môi trường kinh tế vĩ mô đối với ngành chăn nuôi

**Lạm phát gia tăng.** Hội nhập kinh tế cũng có nghĩa nền kinh tế sẽ nhạy cảm hơn với biến động trên thị trường thế giới. Đầu năm 2008 cùng với giá lương thực và nguyên liệu tăng cao trên thế giới cũng ảnh hưởng tới Việt Nam qua nhập khẩu (Phan Thị Cúc, 2009). Từ giữa năm 2007 đến tháng 6/2008, giá thức ăn chăn nuôi liên tục tăng. Giá ngô 6 tháng đầu năm 2008 đã tăng 18,7% so với 6 tháng đầu năm 2007, khô dầu đậu tương tăng 80%, lysine tăng 27,7%. Trước sự gia tăng nhanh chóng này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2008/NĐ-CP quy định 14 mặt hàng được đưa vào danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá, trong đó có thuốc thú y và một số loại thức ăn chăn nuôi như ngô, đậu tương, và khô dầu đậu tương. Giá cám sau đó ổn định hơn từ tháng 7/2008 tới cuối năm.

**Cắt giảm thuế nhập khẩu thịt lợn.** Vào thời điểm cuối năm 2007, Việt Nam bắt đầu rơi vào tình trạng lạm phát cao, với chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2007 tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước. Áp lực của lạm phát gia tăng cùng với nguồn cung nông sản trong nước hạn chế (giá lương thực thực phẩm tăng do cầu lương thực thế giới tăng và bệnh

dịch) trong bối cảnh cầu thịt cho Tết 2008 tăng. Để kiềm chế lạm phát, bình ổn thị trường, Bộ Tài chính đã ra Quyết định 106 ngày 20-12-2007, giảm thuế nhập khẩu ở các mặt hàng thịt sớm hơn lộ trình và mức thuế cam kết với WTO. Trong đó, theo cam kết, đến 2012 Việt Nam mới phải cắt giảm thuế nhập khẩu thịt lợn xuống 25%. Tuy nhiên, thuế nhập khẩu thịt lợn đã giảm từ 30% xuống 20% năm 2008, tức là nhanh hơn so với lộ trình cam kết.

Việc cắt giảm thuế nhập khẩu đã làm cho khối lượng thịt lợn nhập khẩu tăng nhanh. Số liệu 8 tháng đầu năm 2008 cho thấy, khối lượng thịt đông lạnh nhập khẩu đã tăng gấp gần 3 lần so với cả năm 2007. Cụ thể, khối lượng thịt lợn và nội tạng nhập năm 2007 chưa đầy 500 tấn, nhưng 8 tháng đầu năm 2008 đã tăng đột biến lên 8.612 tấn, tăng hơn 18 lần so với năm 2007, trị giá 12,5 triệu USD (Báo Kinh tế nông thôn, 2008). Cùng với đó là giá một số loại sản phẩm khác như gà nhập khẩu cũng thấp hơn nhiều so với gà nội địa khiến giá thịt lợn trong nước giảm. Theo báo cáo ngành hàng thịt của Trung tâm Thông tin (Bộ Nông nghiệp & PTNT), giá thịt lợn hơi phổ biến ở các tỉnh phía Bắc từ mức 32.000 - 36.000 đ/kg (tháng 6/2008) giảm xuống còn 26.000 - 30.000 đ/kg (tháng 9/2008), có nơi giảm dưới 25.000 đ/kg như ở Thái Nguyên (Hình 2).



Hình 2. Giá bán buôn lợn hơi tại một số tỉnh năm 2008

Nguồn: Báo cáo ngành hàng thịt lợn năm 2008.

Trước tình hình này, Chính phủ đã có Quyết định số 67/2008/QĐ-BTC ngày 5/8/2008 giảm thuế với một số mặt hàng nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc. Vào thời điểm tháng 10/2008, giá các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi thế giới và trong nước đang xuống thấp, ví dụ như giá CIF khô đậu tương giao sau 2 tháng được chào bán 325 - 330 USD/tấn (so với tháng 6 là 580 USD/tấn), giá ngô 14% độ ẩm giao hàng tại kho là 3.400 - 3.600 đồng/kg so với tháng 6 là 5.200 đồng/kg... và giá thức ăn chăn nuôi đã giảm 7 - 10% so với thời điểm tháng 6, nhưng vẫn còn ở mức cao so với giá lợn hơi đang ở mức thấp. Tình trạng này đã đẩy nhiều người chăn nuôi tới bờ vực phá sản. Chỉ trong hai tháng 8 và 9 năm 2008, có khoảng 30% số trang trại chăn nuôi lớn trong nước tạm ngừng thả nuôi do giá lợn hơi giảm xuống ngang bằng, thậm chí thấp hơn giá thành sản xuất (Báo cáo ngành hàng thịt lợn, 2008).

### **3.2. Tác động của chính sách thuế nhập khẩu thịt lợn tới người chăn nuôi lợn thịt tại Văn Giang**

*Thông tin chung về các hộ và trang trại chăn nuôi.*

Chủ hộ tham gia phỏng vấn và cung cấp thông tin là nam giới (100%), với tuổi bình quân khá trẻ, với trang trại là 36,5 và hộ chăn nuôi là 39,7 (Bảng 1). Trung bình các chủ trang trại có hơn 10 năm đi học, cao hơn so với các chủ hộ chăn nuôi.

Không có sự khác biệt đáng kể trong quy mô nhân khẩu và lao động giữa các hộ và trang trại. Toàn bộ các trang trại kết hợp chăn nuôi lợn với vườn và ao trong hệ thống VAC, trong khi đó không có hộ chăn nuôi nào thực hiện mô hình này. Trung bình một trang trại có 376,6m<sup>2</sup> dành cho chăn nuôi lợn, lớn hơn gấp 2 lần quy mô của hộ, trong đó diện tích được xây dựng kiên cố chiếm 80% (trang trại) và 72% (hộ chăn nuôi).

Không có trang trại hay hộ chăn nuôi nào thuê lao động thường xuyên mà dựa hầu hết vào lao động gia đình. Chăn nuôi lợn tạo ra khoảng 93% tổng giá trị sản xuất của cả hộ chăn nuôi và trang trại năm 2008 (Bảng 1).

*Thay đổi giá bán lợn hơi của người chăn nuôi*

Theo điều tra, mức giá lợn hơi xuất chuồng bình quân các hộ và trang trại bán được dao động 3,0 - 3,1 triệu đồng/tạ vào năm 2007 và giảm xuống còn từ 2,7 - 2,8 triệu đồng/tạ vào năm 2008. Giá bán lợn hơi của trang trại cao hơn của các hộ khoảng 50.000 - 100.000 đồng/tạ song sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê. Năm 2008, giá thịt hơi người chăn nuôi nhận được thấp hơn năm 2007 từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng/tạ. Chênh lệch giá bán qua hai năm lớn nhất đối với nhóm hộ chăn nuôi quy mô lớn (giảm trung bình tới 220.000 đồng/tạ) do quy mô đàn lớn và chưa có mối liên kết chặt chẽ với thương lái nên việc tiêu thụ sản phẩm rất phụ thuộc vào biến động của thị trường. Nhiều hộ không bán được, kéo dài thời gian nuôi, dẫn đến trọng lượng lợn tăng và giảm giá bán. Riêng với các trang trại, mặc dù giá sụt giảm theo thị trường song nhờ các mối quan hệ lâu dài với người tiêu thụ mà họ vẫn có thể bán được sản phẩm.

*Thay đổi quy mô chăn nuôi của hộ và trang trại tại thị trấn Văn Giang*

Theo lý thuyết về hành vi của người sản xuất, khi giá sản phẩm giảm thì quy mô chăn nuôi sẽ giảm. Tuy nhiên, trong trường hợp này ứng xử của người chăn nuôi không hoàn toàn theo qui luật trên và không giống nhau đối với các hộ chăn nuôi ở các hình thức và quy mô khác nhau. Trong khi các hộ chăn nuôi có xu hướng giảm quy mô từ 12%-16% so với năm 2007 (khoảng 7 con với quy mô vừa, 20 con với quy mô lớn) thì các trang trại lại có xu hướng tăng quy mô đàn lợn lên hơn 300 con vào năm 2008, tức tăng khoảng 35 % so với năm 2007 (Bảng 2).

**Bảng 1. Thông tin chung về mẫu điều tra**

Chỉ tiêu	Trang trại (n=15)	Hộ (n=45)
1. % chủ hộ là nam giới	100	100
2. Tuổi chủ hộ (năm)	36,5	39,7
3. Số năm đi học bình quân của chủ trang trại/hộ	10,26	8,12
4. Số NK BQ/trang trại hoặc hộ	4,8	4,8
5. Số LĐ/ trang trại hoặc hộ	2,4	2,6
6. % trang trại/hộ chăn nuôi kết hợp trong VAC	100	0
7. Diện tích chăn nuôi (m <sup>2</sup> )	376,6	156,4
Trong đó, % diện tích được xây dựng kiên cố	80	72
8. Đóng góp của chăn nuôi lợn vào tổng giá trị sản xuất năm 2008 (%)	93,82	93,54

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2009

**Bảng 2. Thay đổi quy mô sản xuất của người chăn nuôi tại thị trấn Văn Giang năm 2008 so với 2007**

(Tính bình quân cho hộ điều tra trong từng năm)

Diễn giải	Năm 2007		Năm 2008		So sánh (2008 với 2007)			
	Số con	Trọng lượng	Số con	Trọng lượng	Số con		Trọng lượng	
					+-	%	+-	%
Hộ quy mô vừa (n = 3 4)	57,5	97,94	50,56	99,85	- 6,94**	-12,1	1,91**	1,95
Hộ quy mô lớn (n = 11)	118,18	96,36	98,64	98,18	- 19,55**	-16,5	1,82*	1,89
Trang trại (n = 15)	243,33	93,00	328	98,67	84,67***	34,8	5,67**	6,09

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2009, Trọng lượng bình quân (kg/con) xuất chuồng

Ghi chú: \*\*\*, \*\*, và \*: có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, 5% và 10% tương ứng

Việc thay đổi quy mô đối với các hộ sản xuất thường dễ hơn và nhanh chóng hơn do số đầu lợn/lúa nhỏ hơn. Bên cạnh đó, các hộ cũng không có các hợp đồng chăn nuôi với người mua buôn hay cơ sở chế biến nên khá linh hoạt trong thay đổi quy mô. Ngoài ra còn một yếu tố nữa là tâm lý sợ rủi ro của hộ chăn nuôi nhỏ thường cao hơn, nên khi thị trường biến động, chủ hộ có ứng xử nhanh nhất để giảm nguy cơ đối mặt với rủi ro.

Ở một thái cực khác, các trang trại gia tăng đáng kể quy mô đàn lợn so với năm 2007 và dường như đây là một nghịch lý. Tuy nhiên có hai lý do cơ bản đằng sau đó là (i) năm 2007 là năm khá thành công với người chăn nuôi nên có 10 trong số 15 trang

trại đầu tư thêm vào trang thiết bị, chuồng trại chăn nuôi cho năm 2008, bởi vậy nếu cắt giảm quy mô đồng nghĩa chi phí khấu hao/100 kg thịt hơi sẽ tăng; và (ii) ngoài chăn nuôi lợn, các trang trại còn kết hợp nuôi cá và làm vườn, với phân chuồng sử dụng cho cá ăn và làm phân bón, và sản phẩm từ vườn hỗ trợ chăn nuôi, do đó tận dụng đầu vào cho ao và vườn, việc cắt giảm quy mô chăn nuôi đồng nghĩa với tăng chi phí đầu vào cho hai hoạt động còn lại và giảm thu nhập. Chủ các trang trại, do đa dạng hóa được sản xuất nên phân tán được rủi ro trong chăn nuôi lợn hơn là các hộ. Do vậy, với cùng thay đổi bất lợi của thị trường, các trang trại vẫn có phương án giảm rủi ro.

Ngoài ra, các trang trại đều có mối liên kết khá chặt chẽ với tác nhân tiêu thụ (người mua buôn và cơ sở chế biến) nên giảm nguy cơ thiệt hại do diễn biến dịch bệnh và thị trường so với các hộ.

**Thay đổi giống lợn sử dụng.** Hai giống lợn phổ biến sử dụng tại thị trấn Văn Giang là giống siêu nạc và lợn lai F<sub>1</sub>. Mặc dù giá lợn hơi giảm song giá con giống hầu như không giảm vào thời điểm đầu năm 2008, và chênh lệch giá thịt hơi giữa hai giống này không đáng kể so với chênh lệch con giống, trong khi đó giống lợn siêu nạc yêu cầu kỹ thuật và điều kiện chăm sóc tốt hơn. Theo khảo sát, giá lợn hơi của giống F<sub>1</sub> được bán ra bằng khoảng 87% giá lợn siêu nạc, song con giống lợn siêu nạc đắt gấp 3 lần giống F<sub>1</sub>. Bởi vậy trong mẫu điều tra có 4 hộ và 2 trang trại đã chuyển từ giống siêu nạc sang lợn F<sub>1</sub>.

**Thay đổi kỹ thuật cho ăn.** Cùng với sự sụt giảm giá lợn hơi là sự gia tăng nhanh chóng của giá cám chăn nuôi, điều này khuyến khích người chăn nuôi thực hiện các biện pháp giảm chi phí. Có hai dạng cho ăn được các hộ áp dụng là cám viên (đậm đặc, ăn thẳng) và cám trộn (được làm từ cám đậm đặc, ngô và mạch, theo tỷ lệ ngô + mạch : Cám viên thường là 3:1). Cho ăn bằng cám trộn sẽ giảm chi phí song tốn nhiều công lao động hơn. Điều tra cho thấy có 6/15 hộ chăn nuôi và 1/10 trang trại chuyển hoàn toàn từ sử dụng cám viên sang cám trộn nhằm cắt giảm chi phí. Các trang trại còn lại không thay đổi được do hạn chế về lao động (không

có lao động thuê thường xuyên).

**Tăng chi phí chăn nuôi.** Mặc dù áp dụng các biện pháp giảm chi phí thức ăn (vốn chiếm 65% - 70% tổng chi phí sản xuất), người chăn nuôi cũng không tránh khỏi việc tăng giá thành sản xuất. Giá thành sản xuất 100 kg thịt lợn hơi năm 2008 cao hơn năm 2007 từ 9,4% (quy mô vừa) tới 13,3% (quy mô lớn). Giá thành sản xuất của trang trại thấp nhất do tận dụng lợi thế quy mô và kết hợp trong mô hình VAC (Bảng 3).

**Giảm thu nhập từ chăn nuôi lợn.** Giá bán giảm và chi phí đầu vào tăng đã dẫn đến thu nhập từ chăn nuôi lợn giảm rõ rệt, nhiều hộ chăn nuôi thậm chí đã lỗ. Thu nhập (bao gồm cả yếu tố nguồn lực của gia đình như lao động, vốn, đất) của năm 2008 đạt cao nhất ở hộ chăn nuôi là 225.000 đ/100 kg thịt hơi, con số này thấp nhất ở hộ chăn nuôi quy mô lớn là 122.000 đồng, chủ yếu do chi phí tăng và giá bán giảm mạnh hơn hai nhóm còn lại (Bảng 4). Nếu tính công lao động gia đình nuôi trong 3 tháng cho mỗi lứa thì người chăn nuôi đang được trả công quá thấp cho sức lao động của mình. Nếu tính toán chi tiết thì người chăn nuôi chỉ có thu nhập từ chăn nuôi lợn vào đầu năm 2008, vào giữa và cuối năm đa số bị hòa hoặc lỗ vốn, trung bình từ khoảng 300.000 - 500.000 đ/con. Với quy mô mỗi lứa của hộ có thể tới 50 con và trang trại có thể tới 150-200 con thì các hộ và trang trại này có thể lỗ vốn tới hàng chục, trăm triệu đồng vào thời điểm giá giảm mạnh năm 2008.

**Bảng 3. Giá thành sản xuất trung bình cho 100kg lợn hơi qua hai năm của hộ và trang trại tại thị trấn Văn Giang năm 2008**

*ĐVT: Triệu đồng*

Quy mô chăn nuôi	Năm 2007	Năm 2008	So sánh (2008 so với 2007)	
			Chênh lệch $\Delta \pm$	%
Hộ quy mô vừa (n = 34)	2,383	2,608	2,243***	9,411
Hộ quy mô lớn (n = 11)	2,162	2,450	2,879***	13,320
Trang trại (n = 15)	1,635	1,810	1,748***	10,687

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2009*  
*Ghi chú: \*\*\* có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.*

**Bảng 4. Thay đổi của thu nhập trong chăn nuôi lợn thịt tại Văn Giang qua năm 2007 và 2008 (Tính bình quân cho 100 kg lợn hơi xuất chuồng)**

DVT: Triệu đồng

Quy mô chăn nuôi	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2008 <sup>a</sup>	So sánh <sup>a</sup> (2008 so với 2007)		So sánh <sup>b</sup> (2008 so với 2007)	
				$\Delta \pm$	%	$\Delta \pm$	%
				Hộ quy mô vừa ( n = 34)	0,423	0,225	0,18
Hộ quy mô lớn ( n = 11)	0,471	0,122	0,10	- 0,37***	- 78,77	- 0,35	- 74,10
Trang trại ( n = 15)	0,487	0,206	0,17	- 0,32***	- 65,33	- 0,28	- 57,70

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2009

Ghi chú: \*\*\* có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.

<sup>a</sup>: thu nhập năm 2008 đã điều chỉnh lạm phát so với năm 2007, <sup>b</sup>: chưa điều chỉnh lạm phát

**Bảng 5. Phương hướng chăn nuôi lợn sau năm 2008 của hộ chăn nuôi và trang trại tại thị trấn Văn Giang (% số mẫu điều tra)**

Phương hướng chăn nuôi	Hộ chăn nuôi lợn (n=45)	Trang trại chăn nuôi lợn (n=15)
1. Tiếp tục nuôi	71,11	100
Giữ nguyên quy mô	11,11	66,7
Giảm quy mô	60,00	0
Tăng quy mô	4,44	33,3
2. Bỏ nuôi	11,11	0
3. Không rõ	13,33	0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2009

Nếu xét trên thu nhập thực tế từ chăn nuôi lợn của năm 2008 so với năm 2007 đã điều chỉnh lạm phát thì lợi ích của người chăn nuôi đã giảm rất nhiều. So với năm 2007, thu nhập từ chăn nuôi lợn của hộ chăn nuôi quy mô lớn giảm gần 80%, kế tiếp là trang trại với 65% và hộ quy mô nhỏ là 56% (Bảng 4). Đây thực sự là một khó khăn rất lớn đối với người chăn nuôi. Nếu tính bình quân cả năm 2008, thu nhập từ chăn nuôi lợn của hộ chăn nuôi quy mô vừa giảm hơn 12 triệu đồng/hộ, con số này là 35,85 triệu và 103,6 triệu lần lượt đối với hộ chăn nuôi quy mô lớn và trang trại. Trong bối cảnh mà chăn nuôi lợn tạo ra hơn 90% tổng giá trị sản xuất trong kinh tế hộ và trang trại thì đây là một tác động tiêu cực lớn tới người chăn nuôi tại Văn Giang.

*Tác động tới tâm lý người chăn nuôi.*

Năm 2008 thực sự là một năm “khủng hoảng” theo như cảm nhận của hầu hết các hộ và trang trại được phỏng vấn ở đây. Toàn bộ 100% hộ và trang trại được phỏng vấn

đều cho biết họ không hề nhận biết được vấn đề thuế nhập khẩu cắt giảm như thế nào và nguy cơ sẽ xảy ra như thế nào để có thể chuẩn bị. Thêm vào đó, sự gia tăng đột biến của giá cả thị trường (thức ăn chăn nuôi cũng như chỉ số giá tiêu dùng) càng làm cho tác động tiêu cực của việc giảm giá thêm trầm trọng. Đa số các hộ chăn nuôi tại thời điểm năm 2008 vẫn muốn nuôi tiếp (71%), song có 5 hộ quyết định sẽ bỏ nuôi (11%) và khoảng 13% trong số họ lưỡng lự không biết tiếp theo sẽ như thế nào (Bảng 5).

Mặc dầu các hộ khá dè dặt song đa phần vẫn quyết định tiếp tục nuôi lợn vì ngoài ra họ không còn nguồn thu nhập đáng kể nào khác, và họ vẫn hi vọng tình hình sẽ được cải thiện. Tuy nhiên, có 60% hộ giảm quy mô chăn nuôi và có 2 hộ quyết định tăng quy mô chăn nuôi do hai hộ này có nguồn thức ăn tận dụng bên ngoài khá đáng kể.

Các trang trại không có ý định bỏ chăn nuôi lợn vì hoạt động này là một phần trong

hệ thống VAC của họ, các chủ trang trại khá tự tin trong cách họ có thể quản lý tốt hơn để bù đắp chi phí và chờ đợi cơ hội thị trường tốt hơn. Ngoài ra họ cũng không muốn mất các mối quan hệ với người mua buôn và cơ sở chế biến. Trên thực tế có 1/3 trong số các trang trại này dự định tăng quy mô lên.

#### 4. KIẾN NGHỊ VÀ GỢI Ý VỀ MẶT CHÍNH SÁCH

Phân tích trên đây cho thấy, các lo lắng về ngành chăn nuôi khi nước ta khi gia nhập WTO thực sự không nằm ngoài dự đoán. Ngoài chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc giảm giá do cắt giảm hàng rào thuế quan, người chăn nuôi còn chịu ảnh hưởng của bất ổn trên thị trường khi nền kinh tế hội nhập với thế giới. Nguyên nhân do nguyên liệu đầu vào của công nghiệp thức ăn gia súc với 70% nguyên liệu chính và gần 100% các chất phụ gia bột cá, bột xương... để sản xuất thức ăn chăn nuôi đều phải nhập khẩu, chưa kể thuốc thú y để phòng và chữa bệnh cho lợn. Đáng lo ngại hơn nữa là dịch bệnh có thể khiến người chăn nuôi trắng tay, đặc biệt dịch tai xanh. Mặc dù trong năm 2008, bệnh tai xanh hầu như không ảnh hưởng tới người chăn nuôi ở đây nhưng dịch tiêu chảy xuất hiện, thường hay xuất phát từ các hộ chăn nuôi nhỏ do các hộ chủ quan thực hiện công tác phòng dịch không tốt và hệ thống vệ sinh môi trường chăn nuôi kém đã lây lan sang các hộ chăn nuôi bên cạnh. Tuy nhiên, nguy cơ lây lan dịch bệnh rất lớn còn do việc kiểm soát dịch bệnh, giết mổ và vận chuyển lợn thịt chưa được thực hiện tốt.

Mặc dù Bộ Tài chính thực hiện chính sách tăng thuế trở lại (lần thứ nhất vào tháng 10-2008 và lần thứ hai vào tháng 3-2009) khiến lượng thịt nhập khẩu trong thời gian gần đây đã giảm đáng kể. Tuy nhiên thực tế cho thấy, sản phẩm thịt lợn sản xuất trong nước khó có khả năng cạnh tranh với hàng nhập khẩu. Việc tăng thuế chỉ là giải pháp tức thời, đến năm 2012 thuế nhập

khẩu thịt lợn sẽ phải quay lại mức 25% như đã cam kết. Cộng thêm với các khó khăn về chi phí đầu vào cao, dịch bệnh và chất lượng sản phẩm, ngành chăn nuôi sẽ đối mặt với rất nhiều khó khăn. Và người chăn nuôi cần được chuẩn bị để có thể sẵn sàng với sự cạnh tranh với hàng nhập khẩu. Muốn như vậy, cần có sự quan tâm và phối hợp đồng bộ giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT, chính quyền địa phương và người chăn nuôi.

• Đối với Bộ Nông nghiệp và PTNT, chính quyền địa phương :

- Cần phổ biến và khuyến cáo tới người chăn nuôi về các thay đổi trong chính sách liên quan tới sản xuất chăn nuôi của hộ và trang trại để giúp họ có thể chủ động thay đổi quy mô đàn, ngừng chăn nuôi hoặc có biện pháp đối phó với thay đổi bất lợi.

- Cần sớm quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu cho thức ăn chăn nuôi với giá thành thấp, giảm tới đa sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

- Hỗ trợ cho người chăn nuôi dưới hình thức cho phép trong hộ xanh như đầu tư hạ tầng nông thôn (quy hoạch và công tác xử lý nước thải, vệ sinh môi trường), chính sách hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ kiểm tra giám sát dịch bệnh.

- Cần chú ý đặc biệt đối với các trang trại, nơi có lợi thế sản xuất quy mô lớn với chất lượng sản phẩm đồng đều hơn, có khả năng đi trước trong việc cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu, đóng vai trò như đầu tàu trong phát triển chăn nuôi

- Cần nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, xây dựng một hàng rào kiểm soát vệ sinh dịch tễ hợp lý giúp kiểm soát chất lượng sản phẩm thịt xuất nhập khẩu

- Hỗ trợ hình thành các tổ hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các hộ chăn nuôi nhỏ, bởi vì về lâu dài sản phẩm của họ sẽ khó có khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu về giá, chất lượng và thương hiệu, trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng đòi hỏi khắt khe hơn và quan tâm nhiều hơn tới chất lượng.



- Có chế tài và tổ chức thực hiện quyết liệt trong công tác phòng chống, trong dịch và sau dịch cho người chăn nuôi, đặc biệt cần chú ý tác nhân người mua buôn và vận chuyển – một trong những nguồn gây lây lan dịch bệnh và có biện pháp quản lý chặt chẽ chăn nuôi nhỏ lẻ vì nguy cơ gây ra dịch bệnh từ đây rất cao.

• Đối với người chăn nuôi cần quan tâm đến một số vấn đề sau :

- Thực hiện nghiêm túc công tác phòng chữa bệnh và các quy định về kiểm soát dịch bệnh trước, trong và sau dịch.

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh và xử lý tốt chất thải từ chăn nuôi

- Chủ động tạo các mối liên kết bền vững với người cung cấp đầu vào và đặc biệt với người tiêu thụ sản phẩm như thương lái, cơ sở chế biến.

- Nâng cao trách nhiệm và ý thức trong sản xuất thịt lợn, tiến tới cung cấp thịt lợn sạch nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Tận dụng và kết hợp tối đa giữa chăn nuôi và trồng trọt, nuôi trồng thủy sản theo hệ thống VAC.

## 5. KẾT LUẬN

Thuế nhập khẩu có thể được sử dụng như một công cụ điều tiết thị trường, giảm sức ép của nguồn cung nội địa, áp lực tăng giá và bảo vệ người tiêu dùng. Việc cân nhắc lợi ích của động thái này đối với mất mát của người sản xuất là cần thiết, đặc biệt khi khu vực sản xuất này đặc trưng bởi số đông người chăn nuôi nhỏ, dễ bị tổn thương do biến động của thị trường. Việc cắt giảm chính sách thuế thịt lợn nhập khẩu trong đầu năm 2008 mặc dù đã góp phần bình ổn thị trường, giảm mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng, song đổi lại, người chăn nuôi đã phải gánh chịu.

Phân tích tác động của việc cắt giảm thuế nhập khẩu này tới hộ chăn nuôi ở huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên cho thấy,

người chăn nuôi phản ứng khá khác nhau trong việc thay đổi quy mô sản xuất, trong đó các hộ chăn nuôi giảm hẳn quy mô, còn các trang trại tăng quy mô. Điều này phụ thuộc vào đầu tư tài sản cố định, sự tương tác trong hệ thống sản xuất nông nghiệp của người chăn nuôi, các liên kết trong sản xuất và tiêu thụ, và sự chấp nhận rủi ro của người chăn nuôi. Người chăn nuôi cũng có xu hướng thay đổi kỹ thuật cho ăn để tiết kiệm chi phí, và một phần chuyển sang sử dụng con giống rẻ hơn và yêu cầu kỹ thuật thấp hơn. Thực trạng giá đầu ra giảm và giá đầu vào tăng đã ảnh hưởng không tốt tới tâm lý người chăn nuôi, khi mà họ chưa thực sự có tinh thần chuẩn bị. Thu nhập từ chăn nuôi lợn năm 2008 đã giảm mạnh từ 50% - 80% so với năm 2007. Nhiều hộ và trang trại thực sự lỗ nặng, nhưng vẫn phải tiếp tục chăn nuôi vì ràng buộc nguồn lực sản xuất và cơ hội việc làm khác không có.

Tuy vậy, động thái cắt giảm thuế nhập khẩu các sản phẩm thịt trong thời gian qua cũng đã minh chứng một điều rằng sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi của nước ta thấp trong một cuộc cạnh tranh không cân sức với sản phẩm ngoại nhập. Điều này có lẽ là tiếng chuông cảnh báo cho ngành chăn nuôi của nước ta phải gấp rút thay đổi để có thể giúp người chăn nuôi đứng vững được trong thời gian rất ngắn tới, khi mà chúng ta phải cắt giảm thuế nhập khẩu thịt lợn xuống 25% theo cam kết của WTO. Trên cơ sở phân tích thực trạng tác động ban đầu của việc cắt giảm thuế nhập khẩu năm 2008 và trong phạm vi cho phép, nghiên cứu đã đưa ra một số khuyến nghị và gợi ý về mặt chính sách đối với Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và PTNT, chính quyền địa phương và người chăn nuôi, tập trung làm thế nào để có thể giúp người chăn nuôi sản xuất có hiệu quả hơn, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm thịt lợn, và bảo vệ họ trong những tình huống khẩn cấp mà không vi phạm các điều khoản của WTO.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo ngành hàng thịt các tháng năm 2007-2008, trang xúc tiến thương mại, Bộ Nông nghiệp và PTNT, <http://www.agroviet.gov.vn/Pages/ttvaxttm.aspx?TabId=ttvaxttm>. Trích dẫn 10/9/2010.
- Báo Kinh tế nông thôn (2008). Ngành chăn nuôi kêu cứu (Kỳ 1): Bảo hộ thịt nội bằng thuế: Cần nhưng chưa đủ. <http://www.kinhtenongthon.com.vn/Story/xaydungnongthonmoi/Chuyendechannuoi/2008/10/15264.html>. Trích dẫn 12/9/2010.
- Phan Thị Cúc (2009). Diễn biến lạm phát ở Việt nam và giải pháp kiềm chế linh hoạt, <http://www.hui.edu.vn/NewsDetail.aspx?NewsID=105>. Trích dẫn 1/9/2010.
- GSO (2008). Thông cáo báo chí tháng 12/2008, <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=413&thangtk=12/2008>. Trích dẫn 1/9/2010.
- Nghị định NĐ75/2008/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá.
- Quyết định số 106 ngày 20-12-2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành biểu thuế xuất khẩu và biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
- Quyết định số 67/2008/QĐ-BTC ngày 5/8/2008 về việc sửa đổi mức thuế xuất nhập khẩu ưu đãi đối với một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
- Quyết định số 83/2008/QĐ-BTC ngày 3/10/2008 về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.